

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

PHÍ HỒNG MINH. *Quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc đại lục và Đài Loan từ cuối thập kỷ 1980 đến nay và tác động đến Việt Nam*

Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế

Mã số: 62 31 01 06

Trung Quốc và Đài Loan là hai chủ thể kinh tế chính trị lớn với tỷ trọng đáng kể trong dòng thương mại, đầu tư và công nghệ ở khu vực Đông Nam Á. Do đó, bất kỳ chuyển biến nào trong quan hệ Trung Quốc đại lục và Đài Loan (quan hệ Hai bờ) đều không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới an ninh chính trị mà còn có những tác động lớn về kinh tế, thương mại, đầu tư trong khu vực. Mỗi quan hệ Hai bờ có tầm quan trọng to lớn như là điểm nóng an ninh và trụ cột kinh tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đối với Việt Nam, những biến động trong quan hệ kinh tế giữa Hai bờ, cũng như những động thái thay đổi bên trong Trung Quốc đại lục và bên trong Đài Loan cũng sẽ ảnh hưởng cả trực tiếp lẫn gián tiếp tới nền kinh tế Việt Nam. Vì thế, nghiên cứu quan hệ kinh tế Hai bờ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Với lý do đó, NCS. Phí Hồng Minh lựa chọn chủ đề “Quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc đại lục và Đài Loan từ cuối thập kỷ 1980 đến nay và tác động Việt Nam” cho luận án tiến sĩ của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, kết cấu của Luận án gồm 4 chương.

Chương 1: *Tổng quan tình hình nghiên cứu*

Các nghiên cứu liên quan đến mối quan hệ Hai bờ hết sức phong phú trên cả phương diện kinh tế, chính trị và đặc

biệt là khía cạnh an ninh. Nhìn chung, các nghiên cứu trên thế giới thường tập trung vào vấn đề an ninh trên Eo biển Đài Loan, hợp tác kinh tế trong từng lĩnh vực cụ thể hay một giai đoạn nhất định, một số nghiên cứu chỉ ra đặc trưng kinh tế bất đối xứng và tính dễ tổn thương của Đài Loan, song chưa nghiên cứu nào đề cập đến những dịch chuyển cụ thể trong quan hệ kinh tế đối xứng Hai bờ hay tác động của quan hệ kinh tế Hai bờ đến Việt Nam. Trong khi đó, các công trình ở Việt Nam cũng chỉ tập trung vào mối quan hệ Việt - Trung và có quan tâm tới các quan hệ giao lưu kinh tế Việt - Đài. Nhằm bổ khuyết vào khoảng trống của những nghiên cứu đi trước, Luận án tập trung làm rõ thực trạng mối quan hệ kinh tế bất đối xứng cùng với những hệ quả kinh tế chính trị của quan hệ Hai bờ, từ đó chỉ ra tác động của mối quan hệ này đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam và đưa ra một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

Chương 2: *Cơ sở lý luận và thực tiễn về quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc đại lục và Đài Loan*

Trung Quốc đại lục và Đài Loan có mối quan hệ đặc biệt giữa hai thực thể bị chia cắt trên một điểm nóng quan trọng ở Đông Bắc Á. Mối quan hệ này mặc dù vẫn vận động theo quy luật kinh tế thông thường song lại thể hiện sự tương tác qua lại mạnh mẽ giữa chính trị và kinh tế, giữa chủ thể nhà nước và lực lượng thị trường. Những tương tác này tạo thành hai mảng đối lập trong quan hệ Hai bờ, một mặt hội nhập kinh tế sâu rộng, mặt khác vẫn duy trì trạng thái chính trị căng thẳng tiềm ẩn xung đột. Luận án

đã dựa trên các cách tiếp cận, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu để luận giải các tương tác kinh tế chính trị giữa Chính phủ Trung Quốc và Chính quyền Đài Loan đối với quan hệ Hai bờ cũng như phân tích các tương tác kinh tế thuần túy giữa các lực lượng thị trường; phân tích “vấn đề Đài Loan” trên góc độ lịch sử và quan điểm cốt lõi của các bên liên quan.

Chương 3: Thực trạng quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc đại lục và Đài Loan từ cuối thập kỷ 1980

Quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc đại lục và Đài Loan không mang tính chất của mối quan hệ song phương giữa hai quốc gia mà là quan hệ giữa chủ thể Trung Quốc với đầy đủ vị thế pháp lý với Đài Loan như một vùng lãnh thổ bị chia cắt khỏi Trung Quốc. Trong khi Trung Quốc tập trung vào các chính sách nhằm đẩy mạnh giao lưu, giao thương kinh tế với Đài Loan như những nỗ lực đơn phương mở cửa, thúc đẩy tự do hóa kinh tế, thì phía Đài Loan ở vị thế ứng phó bị động trước sức hút kinh tế mạnh mẽ của thị trường Hoa lục. Sự mở rộng tự do hóa của Trung Quốc và tình trạng cô lập của Đài Loan biến Trung Quốc trở thành trục chính kết nối và Đài Loan như một nan hoa nhỏ bị cô lập. Do đó, việc Bắc Kinh thực thi chính sách bằng mọi giá thúc đẩy gắn kết kinh tế và cô lập chính trị, ngăn cản Đài Loan mở rộng không gian kinh tế đã khiến Đài Loan chỉ còn kênh là xúc tiến các kết nối kinh tế với Đại lục để tránh những tổn hại lợi ích khi bị đứng ngoài tất cả các xu hướng hình thành các thỏa thuận thương mại cả song phương, khu vực và đa phương.

Luận án đã tập trung phân tích mối quan hệ Hai bờ qua 4 thời kỳ:

i) Giai đoạn trước năm 1992 - “thời kỳ manh nha”: quan hệ Hai bờ bắt đầu bị ngăn cấm rồi dần manh nha trong thập kỷ 1980

song vẫn chịu nhiều cấm đoán từ Đài Loan.

ii) Giai đoạn 1992-2001 - “thời kỳ thăm dò”: Trung Quốc có nhiều cải cách kinh tế lớn và đạt thành tựu quan trọng sau chuyến “Tuần du phương Nam” của Đặng Tiểu Bình hướng tới nền kinh tế thị trường XHCN mang đặc sắc Trung Quốc. Đài Loan thực hiện điều chỉnh lớn, thúc đẩy nâng cấp ngành, phát triển ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT).

iii) Giai đoạn 2002-2011 - “thời kỳ tăng tốc”: việc Trung Quốc gia nhập WTO như lá phiếu đảm bảo cho sự hội nhập của quốc gia này, kéo theo là nền kinh tế khu vực và toàn cầu ngày càng bị cuốn vào thị trường này, dần hình thành nên cấu trúc kinh tế khu vực hướng tâm Trung Quốc.

iv) Giai đoạn 2012-2016 - “thời kỳ chín muồi”: Trung Quốc có nhiều thay đổi về điều chỉnh chiến lược và chuyển đổi phương thức phát triển để tạo vị thế mới. Đài Loan có chính sách thân Bắc Kinh nhưng lại phải đối mặt với sự phản đối gia tăng trong xã hội Đài Loan.

Về phía Bắc Kinh, phương châm “thống nhất hòa bình” và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế làm tiền đề cho tương lai thống nhất lâu dài là quan điểm nhất quán của các thế hệ lãnh đạo Trung Quốc, song các đối sách cụ thể cũng như các biện pháp chế tài ở mỗi thời kỳ lại có sự khác biệt theo đặc tính riêng của mỗi lãnh đạo. Mặc dù Trung Quốc vẫn tiếp tục đe dọa quân sự với Đài Loan nhưng động lực kết nối kinh tế giữa hai Eo bờ luôn được xem như một kênh hữu hiệu nhất xúc tiến gia tăng hợp tác, thiết lập lòng tin nền tảng cho đối thoại Hai bờ.

Đài Loan phải đối mặt với những lựa chọn khắt khe trước chiến lược ngoại giao ba hướng của Bắc Kinh, một là liên kết ngày càng chặt chẽ với Đại lục và lệ

thuộc hơn vào Bắc Kinh, và hai là bị cô lập khỏi nền kinh tế chính của khu vực. Sự dịch chuyển các hoạt động kinh tế của Đài Loan cũng là một phần trong sự dịch chuyển quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc với Đông Á, Mỹ và thế giới. Cùng với sự trỗi dậy lớn mạnh và cách hành xử cứng rắn của Bắc Kinh, sự tương thuộc kinh tế Hai bờ ngày càng trở nên bất đối xứng với sự phụ thuộc hơn của Đài Loan thì quyền lực mặc cả của hòn đảo này càng trở nên yếu thế trước một cường quốc như Trung Quốc. Chính quyền Đài Loan, dù thuộc đảng phái nào, cũng cần hết sức cẩn trọng về chính sách kinh tế với Đại lục để vừa đảm bảo lợi ích kinh tế, vừa cố gắng tránh để Trung Quốc sử dụng làm con bài mặc cả đánh đổi tự chủ.

Luận án chỉ rõ, những thay đổi về chính sách của Mỹ với Đài Loan sẽ gây ảnh hưởng lớn đến tương quan kinh tế chính trị Hai bờ cũng như cả khu vực do tính nhạy cảm của vấn đề Đài Loan và vai trò của Mỹ trong đảm bảo ổn định Eo biển Đài Loan. Đặc biệt trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và ưu thế của Mỹ về kinh tế, chính trị và quân sự, Đài Loan cần có sự ủng hộ của Mỹ về an ninh, mở rộng sự tham gia quốc tế, và ngay trong chính sách Hai bờ.

Chương 4: Tác động của quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc đại lục và Đài Loan tới nền kinh tế Việt Nam

Đối với Việt Nam, cả Trung Quốc đại lục và Đài Loan đều là những đối tác thương mại, đầu tư và du lịch hết sức quan trọng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2014, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất và là nhà đầu tư lớn thứ 9 của Việt Nam. Bên cạnh đó, Đài Loan cũng là một trong năm đối tác đầu tư lớn nhất và là đối tác thương mại lớn thứ 5 của Việt Nam.

Luận án đánh giá, quan hệ Hai bờ tác động đến kinh tế Việt Nam chủ yếu qua các kênh sau: i) Nhân tố Trung Quốc luôn có nguy cơ gây cản trở, phương hại đến quan hệ kinh tế Việt Nam có liên quan đến yếu tố Đài Loan, nhất là quan hệ Hai bờ gặp sóng gió; ii) Hiệu ứng mạng sản xuất về quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư và hệ quả là dịch chuyển các luồng thương mại; iii) Tính hỗ trợ giữa đầu tư và thương mại từ Đài Loan và Trung Quốc trên lãnh thổ Việt Nam có thể gây ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực đến Việt Nam.

Luận án đã lựa chọn mô hình vecto hiệu chỉnh sai số (VECM) để đánh giá tác động của mối quan hệ Trung - Đài đến Việt Nam qua kênh thương mại và đầu tư.

Về thương mại, chứng tỏ tồn tại mối quan hệ “dài hạn” giữa cán cân thương mại của Việt Nam với cả Trung Quốc và Đài Loan và tỷ giá thực của Việt Nam (VND so với USD) cùng với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và Trung Quốc.

Về đầu tư, chứng tỏ mối quan hệ “dài hạn” giữa thu hút FDI của Đài Loan vào Việt Nam với tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và tỷ giá hối đoái “thực” của đồng VND (so với đồng TWD của Đài Loan) cũng như thu hút FDI của Đài Loan vào Trung Quốc đại lục.

Từ những phân tích trên, Luận án đưa ra kiến nghị chính sách đối với Việt Nam, đó là chính sách tận dụng “cơ hội mới” và chính sách giúp đối phó hiệu quả với “thách thức mới” từ mối quan hệ Hai bờ.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam năm 2017.

TV.
giới thiệu